

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN KHOA NÔNG HỌC, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Thị Vân Anh*, Nguyễn Thị Nhâm, Ngô Thị Bích Hằng

Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: ttvanh@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.05.2022

Ngày chấp nhận đăng: 02.03.2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá thực trạng nhận thức và hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tổng số 310 sinh viên, 47 giảng viên và cán bộ hỗ trợ, cùng 15 đơn vị tuyển dụng tham gia trả lời phỏng vấn. Kết quả cho thấy sinh viên đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc chủ động tìm kiếm việc làm trong tương lai với đa số sinh viên lựa chọn tham gia hội chợ việc làm, tìm kiếm thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng là phương thức tìm kiếm việc làm. Công tác tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên được Khoa quan tâm, được sinh viên, cán bộ giảng viên và các đơn vị tuyển dụng đánh giá cao. Tuy nhiên, một số nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động chưa đa dạng và chưa thực sự hiệu quả. Khoa cần xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên trách đảm bảo đủ cả về số lượng, chất lượng để tổ chức tốt công tác thông tin nghề nghiệp và đẩy mạnh hoạt động tư vấn thường xuyên, liên tục, đa dạng cả về nội dung và hình thức.

Từ khóa: Định hướng nghề nghiệp, nông học, sinh viên, việc làm.

Current Situation and Solutions of Career Orientation for Students in the Faculty of Agronomy, Vietnam National University of Agriculture

ABSTRACT

The study was conducted to evaluate the current situation in career orientation for students in the Faculty of Agronomy, Vietnam National University of Agriculture. A total of 310 students, 47 lecturers/supported staff, and 15 recruitment agencies participated in the surveys. The results show that students were aware of their own roles and responsibilities in actively looking for future jobs with most of the students choosing to participate in job fairs, and searching for information on the internet, newspapers, and radio to look for jobs. Career-oriented counseling for students was highly appreciated, however, several contents and operation methods are still simple and not really effective. It is necessary to organize the specialized consultants, ensuring both quantity and quality to organize career information activities well, and promote regular, continuous; and multi-disciplinary consulting activities in both content and operation.

Keywords: Career orientation, agronomy, student, job.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khoa Nông học có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với quá trình phát triển của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Từ năm 1956 đến nay, Khoa đã góp phần đào tạo và cung ứng trên 20.000 kỹ sư, 2.537 thạc sỹ và 219 tiến sỹ nông nghiệp (Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021).

Trong thời đại nông nghiệp 4.0 đòi hỏi Khoa và Học viện từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, đặc biệt chuẩn đầu ra của sinh viên phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, những năm gần đây, số lượng sinh viên nghỉ học, cảnh báo thôi học lại xu hướng tăng (Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021). Nguyên nhân chung cho thực trạng này có thể là do sinh

viên chưa có phương pháp học tập phù hợp và chưa có định hướng, nhận thức đúng đắn về ngành nghề mình lựa chọn theo học (Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, 2011; Đoàn Quang Vinh, 2019; Nguyễn Thanh Hội, 2019).

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức nghề nghiệp cho sinh viên, Khoa Nông học đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên như các hoạt động kiến tập thực tế, thực tập nghề nghiệp, tọa đàm với doanh nghiệp... Khoa cũng thành lập và giao nhiệm vụ cho Tổ công tác sinh viên thực hiện các hoạt động hỗ trợ và tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên từ đầu khóa học và trong toàn bộ khóa học. Tuy nhiên, các hoạt động trên chưa được toàn thể sinh viên quan tâm, tham gia chưa đầy đủ, dẫn đến vẫn còn một số sinh viên chưa nhận thức đúng về ngành nghề đào tạo đã lựa chọn.

Để nâng cao chất lượng dạy và học, hạn chế số lượng sinh viên rơi vào tình trạng bị buộc thôi học và cảnh cáo buộc thôi học, việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, và nâng cao định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, từ đó giúp sinh viên yêu nghề nghiệp mình lựa chọn, sắp xếp hợp lý hơn kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu mình hướng tới là hết sức cần thiết. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng nhận thức nghề nghiệp và hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, từ đó đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao định hướng nghề nghiệp và chất lượng đào tạo của Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn ba nhóm đối tượng có liên quan trực tiếp tới hoạt động định hướng nghề nghiệp của sinh viên bao gồm:

(i) Sinh viên gồm 310 sinh viên năm thứ 2, 3 và 4 hiện đang theo học các ngành học (Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Khoa học cây trồng tiên tiến, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp công nghệ cao) thuộc quản lý của Khoa Nông học;

(ii) Giảng viên và cán bộ hỗ trợ, bao gồm: 10 giảng viên giảng dạy các môn học đại cương, 5 giảng viên giảng dạy các môn cơ sở ngành, 15 giảng viên giảng dạy các môn chuyên ngành, 10 cán bộ Tổ công tác sinh viên của Khoa và 7 cán bộ thuộc Ban Công tác chính trị & Công tác sinh viên, Trung tâm Quan hệ công chúng và Hỗ trợ sinh viên, Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Ban Quản lý đào tạo;

(iii) Đơn vị tuyển dụng: 15 đơn vị hàng năm có tuyển dụng sinh viên của Khoa.

Số lượng tham gia phỏng vấn với từng nhóm đối tượng được xác định theo công thức tính cỡ mẫu của Yamane (1973):

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2}$$

Trong đó: n là số lượng thành viên mẫu cần xác định; N là tổng số mẫu; e là sai số tiêu chuẩn $\pm 5\%$.

Các đối tượng được phỏng vấn qua điện thoại và email thông qua bảng hỏi Google được thiết kế cho từng đối tượng. Đối với sinh viên và đơn vị tuyển dụng, tiến hành phỏng vấn các nội dung liên quan tới nguyện vọng nghề nghiệp; định hướng kỹ năng, thái độ nghề nghiệp của sinh viên; phương thức tìm kiếm việc làm của sinh viên. Đối với sinh viên và cán bộ hỗ trợ, tiến hành phỏng vấn các nội dung về hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên; hoạt động tư vấn, hỗ trợ của Tổ công tác sinh viên và đánh giá mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức, hoạt động của tổ công tác sinh viên trong các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên.

2.2. Phân tích kết quả

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 bậc và phân tích giá trị trung bình đo mức độ đánh giá tương ứng mức độ trả lời từ thấp đến cao (1,0-1,80 điểm = Không cần thiết/không quan trọng; 1,81-2,60 = Ít cần thiết/ít quan trọng; 2,61-3,40 = Tương đối cần thiết/tương đối quan trọng; 3,41-4,20 = Cần thiết/quan trọng; 4,21-5,0 = Rất cần thiết/rất quan trọng) hoặc (1,0-1,8 điểm = Yếu; 1,81- 2,60 = Trung bình; 2,61-3,40 = Khá; 3,41-4,20 = Tốt; 4,21-5,0 = Rất tốt). Kết quả khảo sát được xử lý bằng Microsoft

Excel 2016, sử dụng phương pháp thống kê toán học để tính giá trị trung bình cộng có trọng số.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nhận thức về định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Nông học

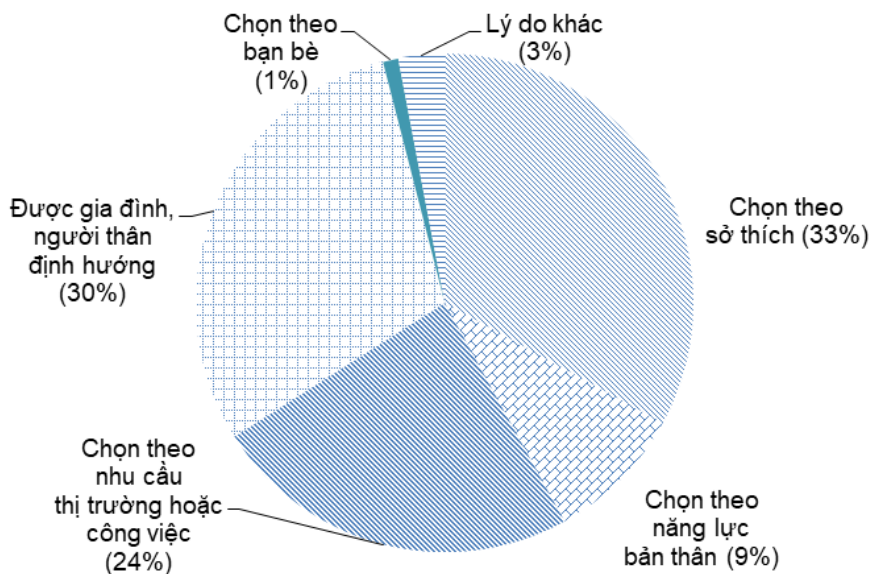
3.1.1. Lý do chọn ngành của sinh viên Khoa Nông học

Nghiên cứu đưa ra một số lý do sinh viên lựa chọn ngành học như: theo sở thích; phù hợp với năng lực bản thân; theo nhu cầu thị trường công việc; được gia đình, người thân giới thiệu; và lựa chọn theo bạn bè (Hình 1). Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên chủ động lựa chọn ngành học (66%) theo sở thích cá nhân hay theo nguyện vọng của bản thân, theo nhu cầu của thị trường và theo năng lực bản thân. Việc lựa chọn theo nguyện vọng và năng lực của bản thân giúp sinh viên có nhận thức tốt hơn về nghề nghiệp và sẽ yêu ngành nghề, gắn bó hơn với công việc, nghề nghiệp mình đã lựa chọn. Tuy nhiên, cũng có tới 34% số sinh viên được khảo sát lựa chọn ngành nghề theo định hướng của gia đình và người thân, theo bạn bè hoặc không có định hướng nghề nghiệp cho bản thân (Hình 1). Với những sinh viên này, khi nhận thấy công việc vất vả, đặc biệt với những sinh viên không có sự yêu thích nghề nghiệp, dễ có tư

tưởng đổi ngành hoặc chuyển trường.

3.1.2. Nguyện vọng nghề nghiệp tương lai của sinh viên Khoa Nông học

Kết quả khảo sát (Bảng 1) cho thấy, 46,1% sinh viên lựa chọn công việc ổn định mặc dù thu nhập không cao, trong khi 42,6% sinh viên lựa chọn công việc theo định hướng của gia đình, chỉ 5,8% sinh viên lựa chọn nghề nghiệp theo đúng chuyên môn đào tạo. Kết quả cũng trùng với kết quả khảo sát các đơn vị tuyển dụng, khi có 60,0% đơn vị tuyển dụng đánh giá sinh viên mong muốn được tuyển dụng vào những vị trí có công việc ổn định, 53,3% lựa chọn theo định hướng của gia đình và cũng chỉ 6,7% có nguyện vọng nghề nghiệp đúng chuyên môn đào tạo. Qua đây cho thấy đa phần sinh viên khá thụ động trong định hướng nghề nghiệp của bản thân. Chính điều này có thể làm hạn chế tính năng động, sáng tạo trong công việc sau này, mà đây lại là một trong những tố chất cần thiết đối với lao động trong ngành nghề nông nghiệp. Từ kết quả này cho thấy Khoa cần có chiến lược cụ thể và tăng cường hơn nữa các hoạt động hướng nghiệp để giúp sinh viên nâng cao nhận thức nghề nghiệp, sau khi tốt nghiệp có thể thích ứng tốt và lựa chọn được môi trường làm việc phù hợp với chuyên môn đào tạo và năng lực của bản thân.



Hình 1. Lý do chọn ngành học của sinh viên Khoa Nông học

Bảng 1. Mức độ ưu tiên lựa chọn nghề nghiệp sau tốt nghiệp của sinh viên Khoa Nông học (người)

| Nội dung | Sinh viên | | | Đơn vị tuyển dụng | | |
|--|-----------|-----------|-----------|-------------------|-----------|-----------|
| | Ưu tiên 1 | Ưu tiên 2 | Ưu tiên 3 | Ưu tiên 1 | Ưu tiên 2 | Ưu tiên 3 |
| Nghề nghiệp đúng chuyên môn đào tạo | 18 | 64 | 228 | 1 | 2 | 12 |
| Nghề nghiệp có thu nhập cao | 16 | 101 | 193 | 2 | 6 | 6 |
| Nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp | 143 | 95 | 72 | 9 | 4 | 1 |
| Nghề nghiệp theo định hướng của gia đình | 132 | 109 | 69 | 8 | 5 | 1 |
| Nghề nghiệp có môi trường làm việc tốt | 14 | 81 | 215 | 1 | 2 | 11 |

Bảng 2. Mức độ ưu tiên lựa chọn nghề nghiệp sau tốt nghiệp của sinh viên Khoa Nông học (người)

| Nội dung | Sinh viên | | | Đơn vị tuyển dụng | | |
|----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-------------------|-----------|-----------|
| | Ưu tiên 1 | Ưu tiên 2 | Ưu tiên 3 | Ưu tiên 1 | Ưu tiên 2 | Ưu tiên 3 |
| Địa điểm làm việc | | | | | | |
| Làm việc ở bất kỳ đâu | 78 | 119 | 113 | 7 | 2 | 6 |
| Làm việc tại quê | 146 | 105 | 59 | 4 | 6 | 5 |
| Làm việc tại thành phố lớn | 153 | 121 | 36 | 7 | 4 | 4 |
| Làm việc tại vùng xa | 35 | 91 | 184 | 1 | 2 | 12 |
| Cơ quan làm việc | | | | | | |
| Cơ quan nhà nước | 118 | 102 | 90 | 4 | 5 | 6 |
| Công ty, doanh nghiệp tư nhân | 163 | 117 | 30 | 4 | 8 | 3 |
| Công ty, doanh nghiệp nước ngoài | 155 | 97 | 58 | 10 | 2 | 3 |

3.1.3. Nguyên vọng cơ quan và địa điểm làm việc của sinh viên Khoa Nông học

Kết quả khảo sát trình bày trong bảng 2 cho thấy, 49,4% sinh viên lựa chọn làm việc tại các thành phố lớn, nơi có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm ở nhiều ngành nghề. Trong khi đó cũng có tới 47% sinh viên lựa chọn làm việc tại quê hương. Điều này có thể xuất phát từ định hướng của gia đình và người thân từ khi nhập học. Ngoài ra, đa phần sinh viên của Khoa đến từ các địa phương có truyền thống nông nghiệp, nên sau khi tốt nghiệp có nguyên vọng về quê hương công tác. Kết quả khảo sát cũng cho thấy quan điểm tương đồng của nhà tuyển dụng, khi 46,7% nhà tuyển dụng cho rằng đa phần sinh viên mong muốn tìm kiếm cơ hội việc làm tại các thành phố lớn và rất ít sinh viên mong muốn lựa chọn làm việc tại vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, cũng có tới 46,7% nhà tuyển dụng

cho biết sinh viên chưa có định hướng rõ ràng về địa điểm làm việc.

Kết quả khảo sát còn chỉ ra rằng, đa phần sinh viên ưu tiên lựa chọn các công việc tại các công ty, doanh nghiệp tư nhân (52,6%) và các công ty, doanh nghiệp nước ngoài (50,0%), chỉ 38,1% sinh viên ưu tiên lựa chọn công việc tại các cơ quan nhà nước. Trong khi, đa phần các nhà tuyển dụng (66,7%) đánh giá sinh viên sẽ ưu tiên lựa chọn làm việc trong khối các công ty, doanh nghiệp nước ngoài (Bảng 2). Có thể thấy nguyên vọng nơi làm việc khá mâu thuẫn với định hướng lựa chọn công việc ổn định, lương thấp thường ở các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, sinh viên hoặc gia đình có nhận thức về thị trường lao động khi số lượng công việc trong các cơ quan nhà nước hiện tại không nhiều, trong khi xã hội phát triển, cơ hội tìm kiếm việc làm ở khối doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước

ngoài cao hơn. Mặt khác, điều này cũng nói lên rằng sinh viên mong muốn một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhưng ngại thay đổi, ngại thử thách và ngại tư duy sáng tạo.

3.2. Hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

3.2.1. Định hướng thái độ và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Nông học

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đều nhận thấy sự cần thiết phải nhận thức và chuẩn bị đầy đủ các thái độ nghề nghiệp đề ra. Điểm trung bình đánh giá các nội dung đều trên 4,04 điểm. Trong đó, sinh viên đặc biệt đánh giá cao trách nhiệm, trung thực và sự năng động trong công việc. Nhà tuyển dụng cho rằng thái độ nghề nghiệp cần thiết nhất cho sinh viên Nông học là trách nhiệm công việc và khả năng thích nghi với môi trường làm việc (điểm trung bình đánh giá lần lượt là 4,93 và 4,87) (Bảng 3). Trong bất cứ nghề nghiệp nào, ngoài yêu cầu chuyên môn, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cũng là yếu tố quan trọng khi tuyển dụng nhân sự. Khi xây dựng chương trình đào tạo, Khoa và Học viện đã chú trọng tới việc phát triển kỹ năng và thái độ nghề nghiệp trong từng môn học. Đặc biệt, trong các học phần thực tập nghề nghiệp đối với sinh viên năm thứ 2 ngành Công nghệ Rau hoa quả và Cảnh quan, sinh viên năm thứ 3 và 4 các ngành khác đều yêu cầu kiến thức về chuyên môn và nghề nghiệp phải thực hiện được khi ra trường và các kỹ năng, thái độ với công việc bao gồm: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lên kế hoạch, làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, viết và trình bày báo cáo, chủ động tạo dựng và mở rộng mối quan hệ trong lĩnh vực nghề nghiệp, đồng thời tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên thường xuyên được phổ biến, tìm hiểu và đánh giá sự hiểu biết về định hướng thái độ và kỹ năng nghề nghiệp qua chương trình tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa, qua các cuộc thi kiến thức chuyên ngành và các chương trình khởi nghiệp của Khoa và Học viện tổ chức hàng năm. Sinh viên trước khi ra trường đều phải đăng ký và hoàn thành các khóa học về kỹ năng công

nghệ thông tin và kỹ năng mềm (bao gồm các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng khởi nghiệp,...).

Tất cả sinh viên được khảo sát đều nhận thức được sự cần thiết của các kỹ năng nghề nghiệp, với điểm trung bình đánh giá biến động từ 4,03 đến 4,65 điểm ở mức cần thiết đến rất cần thiết. Trong đó, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin được đánh giá là quan trọng và cần thiết nhất (4,65 và 4,59 điểm). Đây có thể là những kỹ năng mà sinh viên cần có cho định hướng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài. Trong khi đó, nhà tuyển dụng quan tâm nhất tới kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, ứng xử; tiếp đến là kỹ năng lên kế hoạch tổ chức công việc và giải quyết vấn đề thực tế. Những kỹ năng này sinh viên lại chưa thực sự đề cao, điểm đánh giá chỉ ở mức 4,03 điểm (Bảng 4).

3.2.2. Đánh giá hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên Khoa Nông học

Hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên Khoa Nông học nhằm giúp sinh viên: i) định hướng nghề nghiệp, yêu ngành học đã lựa chọn; ii) có thông tin về thị trường lao động và tìm được việc làm phù hợp khi ra trường; iii) tìm kiếm nguồn việc làm từ các tổ chức, công ty, doanh nghiệp có uy tín; iv) trang bị những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết phục vụ cho tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; v) xác định mục tiêu học tập từ đó nỗ lực thực hiện mục tiêu đó và vi) đồng thời tăng cường phối hợp giữa đơn vị đào tạo với đơn vị sử dụng lao động để việc đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội. Để thực hiện mục tiêu này, Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động định hướng và tư vấn việc làm cho sinh viên. Hàng năm, thông qua hoạt động tổ chức tuần sinh hoạt sinh viên, Khoa đều kết hợp và mời các doanh nghiệp và đơn vị tuyển dụng tham gia tọa đàm giới thiệu ngành nghề và vị trí việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp, yêu cầu về kỹ năng, thái độ đối với nghề nghiệp sinh viên cần có để đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

Bảng 3. Đánh giá định hướng thái độ với nghề nghiệp của sinh viên Khoa Nông học (điểm)

| Nội dung | Sinh viên | Nhà tuyển dụng |
|---------------------------------------|-----------|----------------|
| Dễ thích nghi với môi trường làm việc | 4,33 | 4,87 |
| Trung thực trong công việc | 4,57 | 4,53 |
| Trách nhiệm cao trong công việc | 4,70 | 4,93 |
| Có đạo đức nghề nghiệp | 4,20 | 4,60 |
| Năng động, linh hoạt trong công việc | 4,56 | 4,67 |
| Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác | 4,04 | 4,53 |

Bảng 4. Định hướng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Nông học (điểm)

| Nội dung | Sinh viên | Nhà tuyển dụng |
|---|-----------|----------------|
| Kỹ năng giải quyết vấn đề | 4,41 | 4,73 |
| Kỹ năng làm việc nhóm | 4,03 | 4,82 |
| Kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình | 4,55 | 4,20 |
| Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | 4,65 | 4,53 |
| Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin | 4,59 | 4,40 |
| Kỹ năng giao tiếp, ứng xử | 4,05 | 4,80 |
| Kỹ năng tổ chức, lên kế hoạch công việc | 4,41 | 4,73 |

Bảng 5. Đánh giá hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên khoa Nông học

| Nội dung | Sinh viên | | Giảng viên/ Cán bộ hỗ trợ Điểm đánh giá (điểm) |
|---|-------------------------|--------------------------|---|
| | Điểm đánh giá (điểm) | Tần suất tham gia (%) | |
| Hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên | | | |
| Tư vấn, giới thiệu về ngành đào tạo của Khoa và Học viện, vị trí việc làm sau tốt nghiệp | 3,97 | 100 | 4,15 |
| Tổ chức các hoạt động trao đổi về phương pháp học tập, nội dung, đặc điểm của ngành học đang được đào tạo | 3,95 | 43 | 3,87 |
| Giải đáp thắc mắc của sinh viên về ngành nghề đào tạo | 4,18 | 65 | 4,26 |
| Tổ chức chương trình giao lưu với các đơn vị tuyển dụng nhằm xác định vị trí việc làm trong tương lai | 3,82 | 100 | 3,40 |
| Hoạt động tư vấn việc làm cho sinh viên | | | |
| Tổ chức hội thảo, tọa đàm với đơn vị doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân tuyển dụng lao động | 4,96 | 100 | 3,49 |
| Tham gia giao lưu, hội nghị, hội chợ việc làm | 4,20 | 58 | 4,13 |
| Tư vấn, trang bị cho sinh viên một số kỹ năng tìm kiếm việc làm | 3,97 | 76 | 3,30 |
| Thống kê tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp hàng năm | 3,95 | - | 4,17 |
| Cung cấp thông tin cho sinh viên về thị trường lao động | 3,97 | 47 | 3,79 |

Kết quả đánh giá của sinh viên, giảng viên và cán bộ hỗ trợ được trình bày trong bảng 5. Sinh viên đánh giá tốt hoạt động định hướng

nghề nghiệp cho sinh viên của Khoa, đặc biệt là các hoạt động “giải đáp thắc mắc cho sinh viên về ngành nghề đào tạo” và “tham gia giao lưu, hội

nghị, hội chợ việc làm”. Đây cũng là những hoạt động mà Khoa và Học viện tổ chức thường xuyên. Kết quả khảo sát cũng cho thấy chỉ 43% sinh viên trực tiếp tham gia các hoạt động trao đổi về phương pháp học tập, nội dung, đặc điểm của ngành học đang được đào tạo. Hoạt động tư vấn việc làm thông qua các buổi tọa đàm, hội chợ việc làm cũng chỉ thu hút 58% sinh viên tham gia. Điều này cho thấy còn nhiều sinh viên chưa thực sự quan tâm tới các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp do Khoa và Học viện tổ chức.

Đối với giảng viên và cán bộ hỗ trợ, có thể do yêu cầu cao hơn nên ngoài các hoạt động được đánh giá tốt, một số hoạt động chỉ được đánh giá ở mức khá như hoạt động 2.3 (3,3 điểm), 1.4 (3,4 điểm) và mức tốt với hoạt động 2.1 (3,49 điểm).

3.2.3. Đánh giá vai trò hỗ trợ, tư vấn của Tổ công tác sinh viên đối với hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Nông học

Đa phần sinh viên đánh giá vai trò hỗ trợ, tư vấn của Tổ công tác sinh viên ở mức rất tốt (79 sinh viên) và tốt (115 sinh viên), tuy nhiên vẫn có 29 sinh viên (chiếm 9,4% sinh viên được khảo sát đánh giá ở mức yếu (Bảng 6). Qua phỏng vấn cho thấy một số sinh viên chưa nhận được tư vấn, thậm chí chưa biết có hoạt động này trong Khoa. Đa phần số sinh viên này thuộc sinh viên năm thứ 2, trong thời gian qua do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, sinh viên thường xuyên học trực tuyến, các hoạt động đều thông qua họp lớp với giáo viên chủ nhiệm. Trong các buổi họp lớp, nội dung tư vấn hướng nghiệp ít được đề cập. Ngoài ra, nhiều sinh viên cũng chưa chủ động tìm hiểu thông tin nghề nghiệp hoặc liên hệ với Tổ công tác để được tư vấn, hỗ trợ. Kết quả tương tự cũng cho thấy 46,8% số

giảng viên và cán bộ hỗ trợ được khảo sát đánh giá tốt vai trò của Tổ công tác sinh viên. Nhưng cũng có tới 4,3% giảng viên và cán bộ hỗ trợ đánh giá ở mức yếu. Có thể những cán bộ và giảng viên này chưa từng được huy động tham gia trực tiếp vào các công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên nên chưa biết rõ các hoạt động của Tổ tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên.

Nguyên nhân dẫn đến việc một số sinh viên chưa được tiếp cận được hoạt động tư vấn của Khoa và một số cán bộ, giảng viên chưa nhận thấy hiệu quả của hoạt động này có thể là do hạn chế về số lượng cán bộ của Tổ công tác sinh viên. Hiện tại, Tổ công tác sinh viên của Khoa chỉ gồm 10 người trong đó có 6 giảng viên kiêm nhiệm. Với số lượng sinh viên đông (gần 1.500 sinh viên), tỷ lệ cán bộ tư vấn/sinh viên thấp, cán bộ tư vấn chưa có đủ thời gian tiếp cận và tư vấn, dẫn tới hiệu quả công việc chưa cao. Ngoài ra, sinh viên chủ yếu tiếp cận tư vấn một cách thụ động thông qua các hoạt động định hướng nghề nghiệp của Khoa và Học viện tổ chức, số lượng sinh viên chủ động liên hệ tư vấn chưa nhiều.

3.3. Phương thức tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Nông học

Các phương thức tìm kiếm việc làm đưa ra đều được sinh viên đánh giá cao, trung bình từ 3,68 đến 4,18 điểm (Bảng 7). Hai phương thức: tham gia các hội chợ giới thiệu việc làm và tìm kiếm thông tin việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng như internet, báo, đài... được đánh giá ở mức điểm cao nhất. Điều này cho thấy sinh viên áp dụng khá đa dạng các phương thức tìm kiếm có hội việc làm. Đồng thời kết quả khảo sát cũng cho thấy sinh viên khá năng động tìm kiếm các cơ hội việc làm, không quá phụ thuộc vào mối quan hệ của gia đình và người thân.

Bảng 6. Đánh giá vai trò hỗ trợ, tư vấn của Tổ công tác sinh viên đối với hoạt động định hướng nghề nghiệp

| Đối tượng | Mức độ đánh giá | | | | | Điểm trung bình (điểm) |
|---------------------------|-----------------|-----|-----|------------|-----|------------------------|
| | Rất tốt | Tốt | Khá | Trung bình | Yếu | |
| Sinh viên | 79 | 115 | 52 | 35 | 29 | 3,58 |
| Giảng viên, cán bộ hỗ trợ | 11 | 11 | 15 | 5 | 2 | 3,23 |

Bảng 7. Phương thức tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Nông học (điểm)

| Nội dung | Sinh viên | Nhà tuyển dụng |
|---|-----------|----------------|
| Tham gia các hội chợ giới thiệu việc làm | 4,18 | 4,07 |
| Tham gia các kỳ thi tuyển viên chức | 3,91 | 3,07 |
| Thông qua mối quan hệ gia đình | 3,68 | 3,60 |
| Thông qua bạn bè, thầy cô giới thiệu | 4,03 | 3,87 |
| Thông tin việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng | 4,15 | 4,53 |
| Đến các đơn vị, trung tâm giới thiệu việc làm | 3,86 | 3,73 |
| Tự khởi nghiệp | 4,04 | 4,20 |

Có sự phân hóa rõ hơn trong việc đánh giá phương thức tìm kiếm việc làm của sinh viên từ các đơn vị tuyển dụng với điểm trung bình biến động từ 3,07 đến 4,53 điểm (Bảng 7). Các nhà tuyển dụng cũng đánh giá cao việc sinh viên lựa chọn phương thức tìm kiếm việc làm qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội chợ việc làm và tự khởi nghiệp. Việc lựa chọn phương thức tham gia thi tuyển viên chức hay thông qua các mối quan hệ gia đình được đánh giá ở mức điểm thấp nhất (lần lượt là 3,07 và 3,60 điểm). Điều này khẳng định các nhà tuyển dụng thường quan tâm đến kỹ năng, năng lực và thái độ của sinh viên đối với công việc hơn là đặt nặng mối quan hệ thân quen khi tuyển dụng, bởi việc này giúp họ tuyển chọn được nhân sự có năng lực, phù hợp với vị trí công việc cần tuyển dụng.

3.4. Giải pháp định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Nông học

Các nghiên cứu trước đây nhằm nâng cao nhận thức nghề nghiệp và hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ở Việt Nam cho rằng cần thay đổi chức năng của cố vấn học tập thành người tư vấn, giúp đỡ sinh viên trong tự học tập, nghiên cứu, định hướng nghề nghiệp, khi cần có thể tư vấn tâm lý, cuộc sống (Phạm Thị Thanh Hải, 2011; Mai Thị Bích Ngọc & Thang Văn Minh, 2019). Nhà trường cũng cần tích hợp thực hành các kỹ năng sinh viên còn yếu, đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, thực tập nghề nghiệp, giao lưu với doanh nghiệp (Phạm Thị Lan Hương & Trần Triệu Khải, 2010; Hoàng Thị Ngọc & cs., 2017; Hoàng Thị Kim Oanh & cs., 2017). Từ kết quả nghiên cứu

và tham khảo kết quả nghiên cứu trước đây tại các trường đại học ở Việt Nam, chúng tôi đề xuất một số giải pháp định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam như sau:

Giải pháp 1. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên theo hướng thường xuyên, liên tục, đa dạng hóa về nội dung và hình thức: Mục tiêu của giải pháp nhằm đưa giáo dục định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thành hoạt động thường xuyên, gắn với thực tế và các môn học có liên quan. Đa dạng hóa nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục định hướng nghề nghiệp. Công tác tư vấn cho sinh viên cần được đẩy mạnh, thường xuyên và liên tục cung cấp những thông tin cần thiết, cho lời khuyên bổ ích và giải đáp triệt để những thắc mắc của trong quá trình chọn ngành qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên và giảng viên. Tích cực xây dựng mối quan hệ giữa Khoa, Học viện với các đơn vị tuyển dụng. Mở rộng hoạt động đưa sinh viên về các đơn vị tuyển dụng kiến tập, thực tập nghề nghiệp.

Giải pháp 2. Đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn hướng nghiệp: Cần tăng cường công tác xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách công tác tư vấn hướng nghiệp. Đội ngũ này cần được xây dựng để trở thành cố vấn chuyên môn cho Khoa, nhà quản lý trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục liên quan đến định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Trước tiên có thể lựa chọn giảng viên, cán bộ hỗ trợ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực sư phạm, có kiến thức sâu, rộng về lĩnh vực nghề nghiệp và đặc

biệt có tâm huyết trong truyền tải tri thức nghề đến sinh viên. Tiếp đó là xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ chuyên viên chuyên trách, có chế độ rõ ràng và được tạo điều kiện tốt nhất cho việc tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên.

Giải pháp 3. Tổ chức tốt công tác thông tin nghề nghiệp: Mục tiêu của giải pháp là cung cấp thông tin chính xác, hiệu quả phục vụ hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong Khoa. Cần tổ chức tốt công tác thông tin nghề nghiệp như thông tin về thị trường lao động, thế giới nghề nghiệp, yêu cầu công việc đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Cải tiến chương trình đào tạo lồng ghép các nội dung, định hướng nghề nghiệp vào các môn học. Tăng cường hoạt động ngoại khóa như thực hiện đồ án, thực tập nghề nghiệp, đặc biệt trong hoạt động đoàn, hội, câu lạc bộ chuyên ngành hay các chương trình khởi nghiệp. Vận động sinh viên tham gia sưu tầm tài liệu, tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến nghề nghiệp vừa giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng nắm bắt thông tin về nghề vừa làm phong phú nguồn tư liệu cho hoạt động tư vấn, giáo dục định hướng nghề nghiệp của Khoa.

4. KẾT LUẬN

Sinh viên có nhận thức tốt về nghề nghiệp thông qua việc lựa chọn ngành nghề đào tạo theo nhận thức và năng lực của bản thân, chỉ có số ít (3%) lựa chọn nghề nghiệp theo định hướng gia đình. Các hoạt động định hướng nghề nghiệp của Khoa và Học viện được tổ chức thường xuyên và được sinh viên, giảng viên đánh giá tốt. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên tham gia trực tiếp một số hoạt động tư vấn như giải đáp thắc mắc về ngành nghề và hội chợ việc làm chưa nhiều. Để hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp hiệu quả hơn, Khoa và Học viện cần đa dạng hóa các nội dung và hình thức tổ chức, thành lập tổ tư vấn chuyên trách và tổ chức tốt hơn công tác thông tin về nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đoàn Quang Vinh (2019). Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Truy cập tại: <https://tuyensinh.tvu.edu.vn/vi/news/tin-giao-duc/truong-dh-bach-khoa-dh-da-nang-nhan-dat-hang-dao-tao-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-5952.html>
- Hoàng Thị Kim Oanh, Trần Thị Hằng & Đặng Thị Xen (2017). Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp. Tạp chí Khoa học & Công nghệ lâm nghiệp.1: 150-159.
- Hoàng Thị Ngọc, Đoàn Thanh Hòa, Lê Ngọc Phương & Lê Thị Thu Thủy (2017). Nhận thức giá trị nghề của sinh viên khoa Cơ khí Trường đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên. Tạp chí Khoa học & Công nghệ. 15: 132-136.
- Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2021). Số liệu thống kê tổng số sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp tại Khoa Nông học của Ban Quản lý đào tạo.
- Likert R. (1932). A technique for the measurement of attitudes. Archives of Psychology. 140: 1-55.
- Nguyễn Thanh Hội (2019). Không ngủ quên trong chiến thắng. Truy cập tại <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/khong-ngu-quen-trong-chien-thang-3819765.html>. ngày 03/10/2021.
- Nguyễn Thúy Quỳnh Loan (2011). Nhóm ngành nông-lâm-ngư và sư phạm đang thất sủng. Truy cập tại <https://www.hoasen.edu.vn/huongnghiep/nhom-nganh-nong-lam-ngu-va-su-pham-dang-that-sung/> ngày 10/10/2021.
- Mai Thị Bích Ngọc & Thang Văn Minh (2019). Giải pháp nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh. Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao. 6: 57-62.
- Phạm Thị Lan Hương & Trần Triệu Khải (2010). Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành quản trị marketing tại trường Đại học kinh tế Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng. 5(4): 165-175.
- Phạm Thị Thanh Hải (2011). Một số nội dung của công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Hoa Kỳ và kinh nghiệm đối với Việt Nam. Tạp chí Giáo dục. 268(2): 26-28.
- Yamane T. (1973). Statistics: An introductory analysis (3rd ed.) Harper & Row, New York.